



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ II/2021**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

MỤC LỤC

	Trang
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2021	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn tài chính Quý II năm 2021	3
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021	4
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính Quý II năm 2021	5 - 22

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.593.403.946.388	4.065.819.047.391
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	26.885.621.203	10.337.886.480
1. Tiền	111		26.885.621.203	10.337.886.480
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.138.531.658.294	2.700.963.614.254
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	384.619.997.007	403.615.390.014
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	386.357.075.214	388.490.806.606
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		60.253.000.000	138.563.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.307.756.266.793	1.770.294.417.634
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(454.680.720)	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.099.199.459.166	1.094.811.680.835
1. Hàng tồn kho	141	9	1.099.199.459.166	1.094.811.680.835
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		328.787.207.725	259.705.865.822
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	281.740.047.854	217.052.297.388
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		38.536.510.993	32.021.970.274
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		8.510.648.878	10.631.598.160
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.912.837.713.846	1.465.884.773.461
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.229.203.365.068	782.205.507.214
6. Phải thu dài hạn khác	216	8	1.229.203.365.068	782.205.507.214
II. Tài sản cố định	220		1.301.000.577	4.601.886.716
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	892.429.751	3.986.592.646
<i>Nguyên giá</i>	222		2.774.991.916	8.914.628.282
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.882.562.165)	(4.928.035.636)
3. Tài sản cố định vô hình	227	11	408.570.826	615.294.070
<i>Nguyên giá</i>	228		1.461.041.429	1.461.041.429
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.052.470.603)	(845.747.359)
III. Bất động sản đầu tư	230	12	6.887.905.344	7.005.647.316
<i>Nguyên giá</i>	231		7.064.518.302	7.064.518.302
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(176.612.958)	(58.870.986)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	13	412.013.795.595	397.173.332.545
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		412.013.795.595	397.173.332.545
VI. Tài sản dài hạn khác	260		263.431.647.262	274.898.399.670
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	125.951.282.567	126.657.165.697
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		19.751.938.160	22.479.769.262
5. Lợi thế thương mại	269	15	117.728.426.535	125.761.464.711
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		6.506.241.660.234	5.531.703.820.852

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.401.887.248.259	2.427.299.731.772
I. Nợ ngắn hạn	310		2.639.674.437.231	2.422.377.786.242
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	16	442.165.089.816	358.793.429.350
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	532.177.335.600	529.341.288.370
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	2.269.688.115	36.362.753.061
4. Phải trả người lao động	314		6.717.563.760	2.104.927.672
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	143.289.972.634	169.019.804.599
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.818.661.840	1.818.661.840
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	832.804.979.939	683.906.435.102
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	628.137.244.050	587.616.629.506
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	50.293.901.477	53.413.856.742
II. Nợ dài hạn	330		762.212.811.028	4.921.945.530
7. Phải trả dài hạn khác	337	20	451.533.811.028	4.369.696.530
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	310.679.000.000	552.249.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.104.354.411.975	3.104.404.089.080
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	3.104.354.411.975	3.104.404.089.080
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.402.124.510.000	2.402.124.510.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		2.402.124.510.000	2.402.124.510.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(66.000.000)	(66.000.000)
5. Cổ phiếu quỹ	415		(7.652.400.000)	(7.652.400.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		34.142.524.032	33.884.333.254
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		675.675.847.761	675.964.193.964
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		674.652.526.240	663.054.655.028
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		1.023.321.521	12.909.538.936
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		129.930.182	149.451.862
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		6.506.241.660.234	5.531.703.820.852

Người lập biểu



LÊ THỊ KIM TIÊN

Kế toán trưởng



LÊ THỊ PHƯƠNG UYÊN

Đồng Nai, ngày 20 tháng 07 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



NGUYỄN KHÁNH HƯNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý II năm 2021

Đơn vị tính: VND

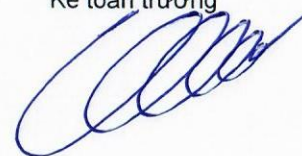
CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		129.490.726.982	429.834.772.626	199.061.016.644	541.806.052.776
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		39.163.579.312	36.808.522.665	71.717.804.031	82.687.176.175
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	24	90.327.147.670	393.026.249.961	127.343.212.613	459.118.876.601
4. Giá vốn hàng bán	11	25	44.509.889.595	297.573.357.582	50.376.263.839	327.593.440.405
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		45.817.258.075	95.452.892.379	76.966.948.774	131.525.436.196
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	3.079.803.333	30.154.866	6.668.815.199	61.011.853
7. Chi phí tài chính	22	27	11.570.861.213	4.239.161.167	23.374.509.248	8.459.773.817
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>10.969.023.713</i>	<i>4.239.161.167</i>	<i>22.692.671.748</i>	<i>8.459.773.817</i>
9. Chi phí bán hàng	25	28	4.439.107.709	70.678.298.550	6.468.513.782	77.672.938.319
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	31.495.776.593	19.614.329.156	51.597.698.730	42.791.133.644
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.391.315.893	951.258.372	2.195.042.213	2.662.602.269
12. Thu nhập khác	31		1.589.878.562	1.534.641.331	2.321.639.911	2.504.023.125
13. Chi phí khác	32		701.779.082	388.141.733	765.498.004	660.892.560
14. Lợi nhuận khác	40		888.099.480	1.146.499.598	1.556.141.907	1.843.130.565
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.279.415.373	2.097.757.970	3.751.184.120	4.505.732.834
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	(1.155.544.116)	(128.969.007)	-	332.190.688
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	2.719.568.931	1.223.620.652	2.727.831.102	1.794.648.561
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		715.390.558	1.003.106.325	1.023.353.018	2.378.893.585
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		715.379.059	1.002.726.786	1.023.321.521	2.378.540.613
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		11.499	379.539	31.497	352.972
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	3	4	4	9
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	33	3	4	4	9

Người lập biểu



LÊ THỊ KIM TIẾN

Kế toán trưởng



LÊ THỊ PHƯƠNG UYÊN

Đồng Nai, ngày 22 tháng 07 năm 2021
Chủ tịch Hội Đồng Quản trị



NGUYỄN KHÁNH HƯNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.751.184.120	4.505.732.834
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		8.728.427.267	4.826.059.076
Các khoản dự phòng	03		8.304.773	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.649.851.342)	(61.011.853)
Chi phí lãi vay	06		22.692.671.748	8.459.773.817
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		28.530.736.566	17.730.553.874
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(961.982.492.261)	(50.512.006.667)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(19.226.102.579)	72.782.194.494
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		632.105.952.313	65.744.947.970
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(63.963.003.702)	(7.479.165.800)
Tiền lãi vay đã trả	14		(22.692.671.748)	(8.459.773.817)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.045.846.105)	(25.755.870.523)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(4.173.432.211)	(5.722.300.853)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(416.446.859.727)	58.328.578.678
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(71.500.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.754.772.727	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(50.000.000)	(65.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		78.360.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.353.956.179	16.756.290
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		82.347.228.906	(48.243.710)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3. Tiền thu từ đi vay	33		522.130.988.068	41.494.783.185
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(171.483.622.524)	(109.759.670.126)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		350.647.365.544	(68.264.886.941)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		16.547.734.723	(9.984.551.973)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		10.337.886.480	40.049.658.795
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		26.885.621.203	30.065.106.822

Người lập biểu

LÊ THỊ KIM TIẾN

Kế toán trưởng

LÊ THỊ PHƯƠNG UYÊN

Đồng Nai, ngày 20 tháng 07 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



NGUYỄN KHÁNH HƯNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON
104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư LDG (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 3602368420, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 08 năm 2010 và đăng ký sửa đổi lần thứ mười bảy (17) ngày 28 tháng 05 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính đặt tại Số 104/4, Ấp Hòa Bình, Xã Giang Điền, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.

Chi nhánh Cần Thơ tại Tầng 11, tòa nhà Techcombank Cần Thơ, Số 45A-47, Đường 30/4, Phường An Lạc, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Văn phòng đại diện tại 194 Golden Building, Số 473 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3602368420 thay đổi lần thứ 17 ngày 28 tháng 05 năm 2019 là 2.402.124.510.000 đồng.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con:			
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đại Thịnh Phát	Lầu 2, Tòa nhà 194 Golden Building, Số 473 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	99,95%	99,95%
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Địa ốc Nam Sài Gòn	Lầu 2, Tòa nhà 194 Golden Building, Số 473 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	99,99%	99,99%
Công ty Cổ phần Thủy sản Bình Minh	Tổ 1, ấp Hồ Tràm, xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	99,90%	99,90%

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con (gọi tắt là "Tập đoàn") là kinh doanh bất động sản và cơ sở lưu trú du lịch.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam ("VND").

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021

*Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm***3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 04 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Bất lợi thương mại

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hoạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một (1) năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một (1) năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.
- Các khoản phải thu được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc và các khoản dự phòng.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm**Hàng tồn kho****Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho**

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung đã được phân bổ.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, khi có những bằng chứng đáng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho, Tập đoàn tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Tài sản cố định hữu hình**Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Năm 2021
<input type="checkbox"/> Máy móc thiết bị	03 – 08 năm
<input type="checkbox"/> Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 08 năm
<input type="checkbox"/> Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm

Tài sản cố định vô hình**Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu**

Giá trị ban đầu của tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, TSCĐ vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự tính.

Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Năm 2021
<input type="checkbox"/> Phần mềm, website và tài sản vô hình khác	02 – 03 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021

*Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm***Bất động sản đầu tư****Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu**

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn là giá trị quyền sử dụng đất và nhà ở của căn hộ chung cư do Tập đoàn nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Phương pháp khấu hao

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 30 năm.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước,.... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê.
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.
- Chi phí hoa hồng môi giới được phân bổ khi doanh thu tương ứng với chi phí hoa hồng được ghi nhận.

Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới một (1) năm (hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên một (1) năm (hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ dài hạn.

Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp

- Bảo hiểm xã hội được trích trên mức lương chính hoặc tiền công theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 17,0% và trừ lương cán bộ công nhân viên 8,0%.
- Bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp được trích trên mức lương chính hoặc tiền công theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 0,5% và trừ lương cán bộ công nhân viên 0%.
- Bảo hiểm y tế được trích trên mức lương chính hoặc tiền công theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 3,0% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1,5%.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên mức lương chính hoặc tiền công theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 1,0% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1,0%.
- Theo luật Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế, mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng tỷ lệ như đã nêu trên của mức thấp hơn giữa mức lương chính hoặc tiền công của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Số dư nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021

*Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm***Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Chi phí phải trả và dự phòng phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo và các khoản phải trả cho người lao động trong kỳ như phải trả về tiền lương nghỉ phép và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo phải trích trước.

Vốn chủ sở hữu**Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Quỹ đầu tư và phát triển; Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích lập theo nghị quyết Đại hội cổ đông dựa trên lợi nhuận sau thuế trước khi chia cổ tức cho cổ đông theo tỷ lệ góp vốn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Doanh thu, thu nhập khác**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021

*Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm***Thu nhập khác**

Thu nhập khác là khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

- Thu nhập từ phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu nhập do khách chuyển nhượng lại hợp đồng;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,

Chi phí quản lý doanh nghiệp là chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành là 20%.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Tập đoàn căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON
104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tiền mặt	299.510.121	1.205.238.186
Tiền gửi ngân hàng	26.586.111.082	9.132.648.294
Tổng cộng	26.885.621.203	10.337.886.480

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>		
Công ty TNHH MTV Xây Dựng Sao Vàng Tây Đô	105.979.570.814	100.959.365.409
Các khách hàng cá nhân mua bất động sản các dự án của Công ty	275.354.986.937	299.914.484.426
Các khách hàng khác	3.285.439.256	2.741.540.179
Tổng cộng	384.619.997.007	403.615.390.014

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>		
Công ty Cổ phần Du lịch Giang Điền	66.717.747.380	63.717.747.380
Công ty Cổ phần Bắc Phước Kiên	49.850.000.000	49.850.000.000
Ông Lâu Đức Duy	245.000.000.000	245.000.000.000
Khác	24.789.327.834	29.923.059.226
Tổng cộng	386.357.075.214	388.490.806.606

8. PHẢI THU KHÁC

Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tạm ứng	266.514.365.055	208.183.834.036
Thu hộ, chi hộ	8.716.097.322	8.916.097.322
Các khoản đặt cọc, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.077.159.936.508	869.630.281.200
Đặt cọc chuyển nhượng cổ phần	765.500.000.000	458.900.000.000
Các khoản phải thu khác	189.865.867.908	224.664.205.076
Tổng cộng	2.307.756.266.793	1.770.294.417.634

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON
104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm

8. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

Phải thu dài hạn khác

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải thu vốn hợp tác đầu tư	210.199.209.553	213.840.988.063
Đặt cọc, ký quỹ ký cược dài hạn	1.019.004.155.515	568.364.519.151
Tổng cộng	1.229.203.365.068	782.205.507.214

9. HÀNG TỒN KHO

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Nguyên vật liệu	-	-
Công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang:	917.169.664.756	875.424.916.477
- Dự án Khu Dân cư Dịch Vụ Giang Điền (Khu A)	217.776.440.352	212.759.347.113
- Dự án Chung cư cao tầng tại đại lộ Võ Văn Kiệt, Phường 16, Quận 8, TP.HCM	169.887.828.736	169.791.828.736
- Dự án Khu Chung cư cao tầng tại 69 đường An Dương Vương, Phường 16, Quận 8, TP.HCM	99.994.827.979	97.606.777.232
- Dự án Khu dân cư Tân Thịnh	268.291.845.399	260.699.571.437
- Dự án Khu TMDV thuộc Dự án Khu Dân cư Dịch Vụ Giang Điền (Khu A)	33.411.722.809	33.228.098.360
- Dự án nhà phố thuộc Khu Dân cư Dịch Vụ Giang Điền (Khu A)	19.214.855.091	16.807.904.250
- Dự án mở rộng khu tái định cư sau trường dân tộc nội trú quận Ô Môn, TP Cần Thơ	66.431.223.137	51.184.828.982
- Dự án khác	42.160.921.253	33.346.560.367
Thành phẩm bất động sản	4.332.163.582	4.332.163.582
Hàng hóa	336.600.000	336.600.000
Hàng hóa bất động sản	177.361.030.828	214.718.000.776
- Dự án Khu Dân cư Phú An tại thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	61.363.154.871	64.816.983.962
- Khu dân cư mật độ thấp và du lịch sinh thái Thác Giang Điền - Khu C	111.412.963.957	141.002.040.814
- Khu dân cư Giang Điền	4.584.912.000	8.898.976.000
Tổng cộng	1.099.199.459.166	1.094.811.680.835

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON
104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	485.228.182	7.459.176.367	970.223.733	8.914.628.282
Mua trong kỳ	-	-	71.500.000	71.500.000
Thanh lý trong kỳ	(183.410.000)	(6.027.726.366)	-	(6.211.136.366)
Số dư cuối kỳ	<u>301.818.182</u>	<u>1.431.450.001</u>	<u>1.041.723.733</u>	<u>2.774.991.916</u>
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	404.762.254	3.695.443.012	827.830.370	4.928.035.636
Khấu hao trong kỳ	21.002.436	299.079.069	71.844.806	391.926.311
Thanh lý trong kỳ	(161.083.330)	(3.276.316.452)	-	(3.437.399.782)
Số dư cuối kỳ	<u>264.681.360</u>	<u>718.205.629</u>	<u>899.675.176</u>	<u>1.882.562.165</u>
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2021	<u>80.465.928</u>	<u>3.763.733.355</u>	<u>142.393.363</u>	<u>3.986.592.646</u>
Tại ngày 30/06/2021	<u>37.136.822</u>	<u>713.244.372</u>	<u>142.048.557</u>	<u>892.429.751</u>

Tại ngày 30/06/2021, nguyên giá tài sản cố định hữu hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 867.723.733 đồng (31/12/2020: 982.927.369 đồng).

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	1.321.041.429	140.000.000	1.461.041.429
Số dư cuối kỳ	<u>1.321.041.429</u>	<u>140.000.000</u>	<u>1.461.041.429</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	705.747.359	140.000.000	845.747.359
Khấu hao trong kỳ	206.723.244	-	206.723.244
Số dư cuối kỳ	<u>912.470.603</u>	<u>140.000.000</u>	<u>1.052.470.603</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2021	<u>615.294.070</u>	-	<u>615.294.070</u>
Tại ngày 30/06/2021	<u>408.570.826</u>	-	<u>408.570.826</u>

Tại ngày 30/06/2021, nguyên giá tài sản cố định vô hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 220.702.000 đồng (31/12/2020: 220.702.000 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON
104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Nhà cửa vật kiến trúc
VND

Nguyên giá

Số dư đầu kỳ

7.064.518.302

Số dư cuối kỳ

7.064.518.302

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu kỳ

58.870.986

Khấu hao trong kỳ

117.741.972

Số dư cuối kỳ

176.612.958

Giá trị còn lại

Tại ngày 01/01/2021

7.005.647.316

Tại ngày 30/06/2021

6.887.905.344

13. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

Tại ngày
30/06/2021

VND

Tại ngày
01/01/2021

VND

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

- Một phần Dự án Khu đô thị mới Bình Nguyên

288.825.488.846

276.661.954.934

- Dự án tại xã Phước Tân, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

65.245.826.468

65.245.826.468

- Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng Bình Minh tại xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

55.089.148.464

52.412.219.326

- Dự án khác

2.853.331.817

2.853.331.817

Tổng cộng

412.013.795.595

397.173.332.545

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Tại ngày
30/06/2021

VND

Tại ngày
01/01/2021

VND

Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí môi giới, hoa hồng các dự án

179.452.328.699

140.618.829.125

Chi phí chờ phân bổ các dự án

100.208.763.082

75.507.234.464

Chi phí trả trước ngắn hạn chờ phân bổ

2.037.128.477

882.422.579

Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ

41.827.596

43.811.220

Tổng cộng

281.740.047.854

217.052.297.388

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON
104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (tiếp theo)

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Chi phí trả trước dài hạn		
Chi phí chờ phân bổ dự án chung cư cao tầng tại Đại lộ Võ Văn Kiệt, Phường 16, Quận 8, TP.HCM	85.905.467.508	85.895.299.257
Chi phí chờ phân bổ dự án khu chung cư cao tầng tại 69 đường An Dương Vương, Phường 16, Quận 8, TP.HCM	24.100.451.557	24.001.104.592
Chi phí môi giới các dự án	15.515.475.088	15.820.529.510
Chi phí công cụ dụng cụ đang phân bổ	42.837.065	196.213.774
Chi phí khác chờ phân bổ	387.051.349	744.018.564
Tổng cộng	125.951.282.567	126.657.165.697

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	VND
Tại ngày 01/01/2021	125.761.464.711
Tăng trong kỳ	-
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(8.033.038.176)
Tại ngày 30/06/2021	117.728.426.535

16. NỢ PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Công ty Cổ phần Miền Đông	66.990.808.645	66.305.479.187
Công ty Cổ phần Thương mại & Xây dựng Phúc Thuận Phát	32.355.887.715	44.555.887.715
Công ty CP Đầu tư Và Dịch vụ Đất Xanh Miền Nam	142.067.334.158	76.603.675.045
Công ty Cổ phần Xây dựng FBV	78.218.044.514	65.211.984.251
Khác	122.533.014.784	106.116.403.152
Tổng cộng	442.165.089.816	358.793.429.350

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Đây là khoản khách hàng trả tiền trước theo tiến độ hợp đồng để mua sản phẩm tại các dự án của Tập đoàn.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	825.339.681	5.232.764.706
Thuế thu nhập doanh nghiệp	569.031.078	5.609.363.514
Thuế thu nhập cá nhân	875.317.356	6.790.411.102
Các khoản phải nộp Nhà nước khác	-	18.730.213.739
Tổng cộng	2.269.688.115	36.362.753.061

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Chi phí phải trả dự án Khu Dân cư Dịch vụ Giang Điền	20.616.047.961	19.612.198.170
Chi phí phải trả dự án phát triển nhà ở thương mại "Chung cư Marina Tower", phường Vĩnh Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	16.769.738.293	33.647.382.261
Chi phí phải trả dự án chung cư cụm B, một phần khu dân cư 13E (phía nam), Đô thị mới Nam thành phố, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, TP.HCM	83.876.822.981	97.605.987.187
Chi phí phải trả dự án mở rộng khu tái định cư sau trường dân tộc nội trú quận Ô Môn, TP Cần Thơ	10.469.831.408	8.698.346.715
Trích trước lương tháng 13	-	4.453.694.286
Khác	11.557.531.991	5.002.195.980
Tổng cộng	143.289.972.634	169.019.804.599

20. PHẢI TRẢ KHÁC

Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Kinh phí công đoàn	406.618.775	2.778.285
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	2.370.935.382	539.937.602
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	739.473.856.338	544.418.663.666
Thu hộ	72.256.393.115	120.993.728.148
Thu hộ kinh phí bảo trì dự án	17.137.324.796	17.110.849.987
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.159.851.533	840.477.414
Tổng cộng	832.804.979.939	683.906.435.102

Phải trả dài hạn khác

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải trả vốn hợp tác đầu tư	447.050.000.000	-
Nhận ký quỹ bảo lãnh hợp đồng dài hạn dự án Khu TMDV thuộc dự án Khu Dân cư Dịch Vụ Giang Điền (Khu A)	4.283.811.028	4.169.696.530
Nhận đặt cọc, ký quỹ, ký cược dài hạn khác	200.000.000	200.000.000
Tổng cộng	451.533.811.028	4.369.696.530

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON
104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	200.000.000.000	176.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	73.957.025.105	73.957.025.105
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	197.191.566.786	199.411.584.401
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	61.990.000.000	137.500.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	54.999.348.436	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	39.999.303.723	-
Vay dài hạn đến hạn trả:	-	748.020.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Tân Bình	-	748.020.000
Tổng cộng	628.137.244.050	587.616.629.506
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Phương Nam	310.679.000.000	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Tân Bình	-	1.300.269.000
	310.679.000.000	1.300.269.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	(748.020.000)
Tổng cộng	310.679.000.000	552.249.000

22. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND
Tại ngày 01/01/2021	53.413.856.742
Trích lập trong kỳ	1.053.476.946
Sử dụng trong kỳ	(4.173.432.211)
Tại ngày 30/06/2021	50.293.901.477

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON
104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ Đầu tư & Phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2020	2.402.124.510.000	(66.000.000)	(3.900.400.000)	21.819.749.847	702.572.531.024	475.812.822	3.123.026.203.693
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(31.205.292.587)	-	(31.205.292.587)
Trích quỹ đầu tư và phát triển	-	-	-	12.064.583.407	(12.064.583.407)	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	2.378.540.613	352.972	2.378.893.585
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	(2)	2	-
Tại ngày 30/06/2020	2.402.124.510.000	(66.000.000)	(3.900.400.000)	33.884.333.254	661.681.195.641	476.165.796	3.094.199.804.691
Tại ngày 01/01/2021	2.402.124.510.000	(66.000.000)	(7.652.400.000)	33.884.333.254	675.964.193.964	149.451.862	3.104.404.089.080
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(258.190.778)	-	(258.190.778)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	258.190.778	(1.053.476.946)	-	(795.286.168)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	1.023.321.521	31.497	1.023.353.018
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	(19.553.177)	(19.553.177)
Tại ngày 30/06/2021	2.402.124.510.000	(66.000.000)	(7.652.400.000)	34.142.524.032	675.675.847.761	129.930.182	3.104.354.411.975

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON
104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm

Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	240.212.451	240.212.451
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	240.212.451	240.212.451
- Cổ phiếu phổ thông	240.212.451	240.212.451
Số lượng cổ phiếu quỹ	765.240	765.240
- Cổ phiếu phổ thông	765.240	765.240
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	239.447.211	239.447.211
- Cổ phiếu phổ thông	239.447.211	239.447.211
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND		

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý II năm nay VND	Quý II năm trước VND	Lũy kế năm nay VND	Lũy kế năm trước VND
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>				
Doanh thu bán hàng hóa bất động sản	124.258.216.375	427.486.689.974	163.744.134.520	534.990.676.357
Doanh thu cung cấp dịch vụ và môi giới bất động sản	5.232.510.607	2.348.082.652	35.316.882.124	6.815.376.419
Tổng cộng	129.490.726.982	429.834.772.626	199.061.016.644	541.806.052.776

<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>	39.163.579.312	36.808.522.665	71.717.804.031	82.687.176.175
-------------------------------------	----------------	----------------	----------------	----------------

Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu thuần bán hàng hóa bất động sản	85.094.637.063	390.678.167.309	92.026.330.489	452.303.500.182
Doanh thu cung cấp dịch vụ và môi giới bất động sản	5.232.510.607	2.348.082.652	35.316.882.124	6.815.376.419
Tổng cộng	90.327.147.670	393.026.249.961	127.343.212.613	459.118.876.601

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý II năm nay VND	Quý II năm trước VND	Lũy kế năm nay VND	Lũy kế năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa bất động sản đã bán	40.645.298.228	296.594.477.750	44.464.205.815	323.298.144.032
Giá vốn cung cấp dịch vụ và môi giới bất động sản	3.864.591.367	978.879.832	5.912.058.024	4.295.296.373
Tổng cộng	44.509.889.595	297.573.357.582	50.376.263.839	327.593.440.405

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý II năm nay VND	Quý II năm trước VND	Lũy kế năm nay VND	Lũy kế năm trước VND
Tiền thu từ lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.079.803.333	30.154.866	6.668.815.199	61.011.853

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON
104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý II năm nay VND	Quý II năm trước VND	Lũy kế năm nay VND	Lũy kế năm trước VND
Lãi tiền vay ngân hàng	10.969.023.713	4.239.161.167	22.692.671.748	8.459.773.817
Chi phí tài chính khác	601.837.500	-	681.837.500	-
	11.570.861.213	4.239.161.167	23.374.509.248	8.459.773.817

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Quý II năm nay VND	Quý II năm trước VND	Lũy kế năm nay VND	Lũy kế năm trước VND
Chi phí nhân viên	1.987.748.723	3.134.295.774	3.228.281.460	6.361.589.972
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.257.612	59.332.028.116	40.712.149	59.344.230.087
Chi phí bằng tiền khác	2.432.101.374	8.211.974.660	3.199.520.173	11.967.118.260
Tổng cộng	4.439.107.709	70.678.298.550	6.468.513.782	77.672.938.319

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý II năm nay VND	Quý II năm trước VND	Lũy kế năm nay VND	Lũy kế năm trước VND
Chi phí nhân viên	19.208.726.830	11.925.108.129	29.061.654.771	25.608.283.321
Chi phí vật liệu	374.683.259	354.845.518	676.909.130	771.748.296
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.041.666	1.041.666	2.083.332	2.083.332
Chi phí khấu hao TSCĐ	195.407.707	381.848.721	577.647.119	769.161.080
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.702.693.809	3.799.277.311	11.875.576.021	9.857.440.446
Phân bổ lợi thế thương mại	4.016.519.088	2.028.448.998	8.033.038.176	4.056.897.996
Phí và lệ phí	-	-	17.000.000	14.000.000
Chi phí bằng tiền khác	996.704.234	1.123.758.813	1.353.790.181	1.711.519.173
Tổng cộng	31.495.776.593	19.614.329.156	51.597.698.730	42.791.133.644

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Quý II năm nay VND	Quý II năm trước VND	Lũy kế năm nay VND	Lũy kế năm trước VND
Chi phí vật liệu	374.683.259	354.845.518	676.909.130	771.748.296
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.041.666	1.041.666	2.083.332	2.083.332
Chi phí nhân công	21.196.475.553	15.059.403.903	32.289.936.231	31.969.873.293
Phân bổ lợi thế thương mại	4.016.519.088	2.028.448.998	8.033.038.176	4.056.897.996
Chi phí khấu hao TSCĐ	195.407.707	381.848.721	577.647.119	769.161.080
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.721.951.421	63.131.305.427	11.916.288.170	69.201.670.533
Chi phí bằng tiền khác	3.428.805.608	9.335.733.473	4.570.310.354	13.692.637.433
Tổng cộng	35.934.884.302	90.292.627.706	58.066.212.512	120.464.071.963

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý II năm nay VND	Quý II năm trước VND	Lũy kế năm nay VND	Lũy kế năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	(1.155.544.116)	(128.969.007)	-	332.190.688

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON
104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Quý II năm nay VND	Quý II năm trước VND	Lũy kế năm nay VND	Lũy kế năm trước VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	2.719.568.931	1.223.620.652	2.727.831.102	1.794.648.561

33. LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Quý II năm nay VND	Quý II năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	715.379.059	1.002.726.786
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(35.768.953)	(50.136.339)
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	679.610.106	952.590.447
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	239.447.211	239.447.211
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3	4
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3	4

Lợi nhuận sau thuế TNDN Quý II năm nay giảm 287.347.727 đồng tương đương giảm 28,66% so với cùng kỳ năm trước. Biến động này chủ yếu do chi phí tài chính Quý này tăng so với cùng kỳ năm trước.

34. THÔNG TIN VỀ BÊN LIÊN QUAN

Theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và các cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Tập đoàn:

Tên bên liên quan

Ông Nguyễn Khánh Hưng
Ông Nguyễn Minh Khang
Ông Lê Văn Vũ
Ông Ngô Ngọc Huyền
Ông Trịnh Quốc Nam

Mối quan hệ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Thành viên HĐQT
Thành viên HĐQT
Thành viên HĐQT

Thù lao Hội đồng Quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

	Quý II năm nay VND	Quý II năm trước VND
Thù lao Hội đồng Quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.989.820.000	2.585.171.926

35. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG SAU NGÀY KẾT THÚC QUÝ

Không có sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ báo cáo đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

36. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

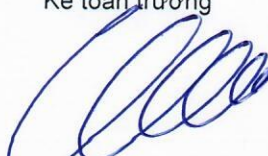
Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 được Chủ tịch Hội đồng Quản trị phê duyệt và phát hành vào ngày 20 tháng 07 năm 2021

Người lập biểu



LÊ THỊ KIM TIẾN

Kế toán trưởng



LÊ THỊ PHƯƠNG UYÊN

Đồng Nai, ngày 20 tháng 07 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



NGUYỄN KHÁNH HƯNG